TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Hằng

2. Bà Đỗ Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1979 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp RM, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Nh trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Phạm Văn D chung sống với nhau vào ngày 29 tháng 02 năm 2000, đến ngày 26/5/2006 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 26/5/2006. Quá

trình chung sống chị và anh Phạm Văn D có 02 người con chung tên: Phạm Văn Hoàng H, sinh ngày 26/12/2000 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Văn C, sinh ngày 02/10/2008 hiện nay đang sống chung với anh Phạm Văn D; về tài sản chung, chị và anh Phạm Văn D không có tài sản chung; về nợ chị và anh Phạm Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống chị và anh Phạm Văn D sống không hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Phạm Văn D thường xuyên đi ăn chơi và quan hệ với người phụ nữ khác không lo làm ăn, không quan tâm đến chị, gia đình khuyên ngăn nhưng anh Phạm Văn D không thay đổi mà còn đánh chị nhiều lần, chị và anh Phạm Văn D sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn D không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao người con chung Phạm Văn Có cho anh Phạm Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn D không có tài sản chung, chị cam kết chị và anh Phạm Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 25/5/2021, Phạm Văn C trình bày*:

Phạm Văn C con của chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D, cùng địa chỉ: ấp RM, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang xác định, từ khi chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D không chung sống với nhau thì Phạm Văn C sống chung với cha là ông Phạm Văn D, địa chỉ: ấp RM, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D ly hôn, Phạm Văn C có nguyện vọng chung sống với cha là ông Phạm Văn D, địa chỉ: ấp RM, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

** Tại biên bản xác minh các ngày 09/11/2021 và ngày 14/12/2021, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D cư trú: ấp RM, xã T A, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong công việc hàng ngày nên mỗi người ở một nơi. Vào năm 2020 chị Lê Thị Nh có báo chính quyền ấp là anh Phạm Văn D đang quan hệ với người phụ nữ khác và yêu cầu chính quyền giải quyết, có mời nhiều lần nhưng anh Phạm Văn D không tới, về con chung đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con chung anh chị giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Văn D*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phạm Văn D nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Nh nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân Lê Thị Nh; Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Lê Thị Nh và Phạm Văn D; Giấy khai sinh Phạm Văn Hoàng H và Phạm Văn C; Biên bản xác minh các ngày 09 tháng 11 năm 2021 và ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên; Văn bản trình bày nguyện vọng của Phạm Văn C ghi ngày 25/12/2021.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lê Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao người con chung Phạm Văn C, sinh ngày 02/10/2008 cho anh Phạm Văn D tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phạm Văn D không có tài sản chung, chị cam kết chị và anh Phạm Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn D và giao con cho anh D nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị là có căn cứ chấp nhận nên đền nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn với anh Phạm Văn D. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly

hôn giao người con tên Phạm Văn C cho anh Phạm Văn D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu không xem xét, về tài sản chung và nợ, chị Nh tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Nh yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn D và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại ấp RM, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn D biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lê Thị Nh khởi kiện đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phạm Văn D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn D nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị Lê Thị Nh không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã TA là nơi cư trú của anh chị)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 31, quyển số 01 ngày 26/5/2006, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị Nh được ly hôn với anh Phạm Văn D, thời gian chị và anh Phạm Văn D sống không hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Phạm Văn D thường xuyên đi ăn chơi và quan hệ với người phụ nữ khác không lo làm ăn, không quan tâm đến chị, gia đình khuyên ngăn nhưng anh Phạm Văn D không thay đổi mà còn đánh chị nhiều lần, chị và anh Phạm Văn D sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Chị thấy, chị và anh Phạm Văn D không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn D nhưng anh Phạm Văn D không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Lê Thị Nh yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Nh cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nh, cho chị Lê Thị Nh được ly hôn với anh Phạm Văn D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn D có 02 người con chung tên: Phạm Văn Hoàng H, sinh ngày 26/12/2000 hiện nay đã trưởng thành và Phạm Văn C, sinh ngày 02/10/2008 hiện nay đang sống chung với anh Phạm Văn D. Khi ly hôn chị giao người con chung Phạm Văn C cho anh Phạm Văn D tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị nhưng anh Phạm Văn D không có ý kiến gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với anh Phạm Văn D thích nghi với cuộc sống hiện tại, nay cũng có nguyện vọng chung sống với anh Phạm Văn D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sự tự nguyện của chị Lê Thị Nh và nguyện vọng của con anh chị tên Phạm Văn C, giao con chung của anh chị cho anh Phạm Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Văn D không yêu cầu chị Lê Thị Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Lê Thị Nh tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh

chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Nh được ly hôn với anh Phạm Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Phạm Văn C, sinh ngày 02/10/2008 cho anh Phạm Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị. Hiện nay con chung của anh chị đang chung sống với anh Phạm Văn D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn D không yêu cầu chị Lê Thị Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị Nh tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ

anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004553 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị Nh đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 21/3/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo